

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2-CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Tuấn
2. Ông Huỳnh Văn Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2015/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc A\*\***, sinh ngày 29/8/20\*\*.

Địa chỉ: Số \*/1\*, khu vực Thới X\* 2, phường Thới L\*, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Ông **Trần Thanh H\*\***, sinh ngày 13/01/19\*\*.

Địa chỉ: Khu vực Rạch S\*, phường Thới L\*, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A\*\* trình bày và yêu cầu như sau:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc A\*\* và ông Trần Thanh H\*\*\* tự nguyện yêu thương, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long số 147 ngày 24 tháng 11 năm 2022. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm, thường xuyên cự

cãi nhau, nên đã ly thân từ khoảng mấy tháng nay. Xét thấy không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có một con tên Trần Ngọc Thanh T\*\*, sinh ngày 04/02/20\*\* (nữ). Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con đến trưởng thành, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Tại bản tự khai đề ngày 18/8/2025 ông Trần Thanh H\*\*\* trình bày và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân ông Trần Thanh H\*\*\* đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc A\*\*.

Về con chung: Có một con tên Trần Ngọc Thanh T\*\*, sinh ngày 04/02/20\*\* (nữ). Khi ly hôn bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con đến trưởng thành, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ly hôn.

Về con chung: các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 11 năm 2022 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại khu vực Rạch S\*, phường Thới L\*, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long đúng quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng mấy tháng nay trong thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm chăm sóc đến nhau và không còn tình cảm với nhau nữa nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy giữa các đương sự không còn muốn duy trì cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng của các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, các đương sự thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử cho ly hôn.

[3] Về con chung: Các đương sự khai thống nhất có một con tên Trần Ngọc Thanh T\*\*, sinh ngày 04/02/20\*\* (nữ), đang sống với bị đơn. Khi ly hôn nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con đến trưởng thành, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

*“...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*

*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”*

Căn cứ quy định trên thì cần phải được cân nhắc, đánh giá đầy đủ các quyền lợi của con chung để giao con chung cho ai nuôi dưỡng bảo đảm việc học tập, giáo dục để phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân tốt cho xã hội. Xét về điều kiện kinh tế thì đương sự đều trong độ tuổi lao động ai cũng có khả năng tạo ra thu nhập để nuôi con. Xét điều kiện nuôi con thì cháu Trần Ngọc Thanh T\*\*, sinh ngày 04/02/20\*\* là nữ, tính đến nay đã hơn 02 tuổi. Do đó cần giao cháu Trần Ngọc Thanh T\*\* cho bà Nguyễn Thị Ngọc A\*\*trực tiếp nuôi dưỡng là tốt cho cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn và bị đơn trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con theo các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56; 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc A\*\* và ông Trần Thanh H\*\*\*.

- Về con chung: giao con Trần Ngọc Thanh T\*\*, sinh ngày 04/02/20\*\* là nữ, cho bà Nguyễn Thị Ngọc A\*\* trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, không buộc ông Trần Thanh H\*\*\* cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002309 ngày 18/8/2025, tại Phòng Thi hành án dân khu vực 2-Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2-Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Thới Long,  
(đăng ký số 147, ngày 24/11/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Oanh**